

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên/ Bachelor of Natural Resource Economics
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
Mã ngành/Code:	7850102
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy / Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt / Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	QĐ 6038/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Bất động sản và Kinh tế Tài nguyên

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực hành về kinh tế và quản lý, chuyên sâu về kinh tế tài nguyên. Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế tài nguyên có khả năng ứng dụng các kiến thức đã học vào khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, có khả năng phân tích chính sách, và đưa ra giải pháp hữu hiệu cho các vấn đề về kinh tế tài nguyên. Chương trình bao gồm các học phần bắt buộc làm nền tảng, đồng thời cho phép sinh viên được lựa chọn linh hoạt nhiều môn học chuyên sâu theo nguyện vọng phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như tài nguyên khoáng sản, đất, nước, rừng, năng lượng, và các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên khác. Chương trình đào tạo đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, trong khối tư nhân, tổ chức phi chính phủ và quốc tế trong các lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn, quản lý, khai thác, sử dụng, và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến nền tảng về kinh tế, kinh doanh và quản lý đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.
PO3	Có kiến thức lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên
PO4	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp, đề xuất giải quyết và ra quyết định về các vấn đề liên quan tới chuyên môn.
PO5	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin hiệu quả trong công việc quản lý, khai thác, và sử dụng tài nguyên
PO6	Có kỹ năng phản biện, kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm hiệu quả
PO7	Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ
PO8	Có tinh thần và nhận thức đúng đắn, ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Hiểu và giải thích được hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên, quản lý Nhà nước về tài nguyên, thị trường sản phẩm tài nguyên, và một số vấn đề hiện hành liên quan tới kinh tế tài nguyên trong nước và quốc tế
PLO1.5	Hiểu và giải thích được một số nguyên tắc, quy trình, kiến thức chuyên sâu về quản lý, khai thác và sử dụng một số loại tài nguyên quan trọng (đất, rừng, nước, khoáng sản, năng lượng...), có khả năng vận dụng các kiến thức trong hoạch định các chính sách về kinh tế tài nguyên thiên nhiên.
PLO1.6	Phân tích được một số kiến thức chuyên sâu về định giá tài nguyên, về đánh giá tác động môi trường, về quy hoạch và sử dụng bảo tồn tài nguyên, về kinh tế tài nguyên thiên nhiên, về quản lý tài nguyên của một số loại tài nguyên cụ thể như đất đai, rừng, nước, khoáng sản, năng lượng...
PLO1.7	Vận dụng được kiến thức chuyên môn để triển khai nhiệm vụ chuyên môn, đề xuất và thực hiện giải pháp đưa ra nhằm giải quyết một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4/5) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng

	internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4/5) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo và thuyết trình các nội dung liên quan tới các vấn đề quan tâm trong kinh tế tài nguyên, có thể thực hiện phản biện, biết hợp tác để giải quyết vấn đề, thích ứng với làm việc độc lập và theo nhóm
PLO2.4	Sinh viên có thể nhận biết các vấn đề, có kỹ năng thu thập thông tin để hiểu vấn đề quan tâm
PLO2.5	Sinh viên có kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan tới lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên một cách logic, có hệ thống
PLO2.6	Sinh viên có kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế tài nguyên, và khởi nghiệp trong thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5/5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5/5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5/5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4/5).
PLO3.5	Có thái độ chuyên nghiệp trong tổ chức, tuân thủ các quy định của tổ chức; Có đạo đức, trách nhiệm với công việc; Có thói quen học tập suốt đời và khả năng thích ứng nhanh với bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1.1	x							
PLO1.2		x						
PLO1.3	x				x			
PLO1.4			x					

PLO1.5			X					
PLO1.6				X				
PLO1.7		X		X				
PLO2.1					X			
PLO2.2					X			
PLO2.3	X				X			
PLO2.4				X			X	
PLO2.5						X		
PLO2.6								X
PLO3.1						X		X
PLO3.2			X			X		
PLO3.3							X	
PLO3.4								X
PLO3.5							X	X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm:

Cử nhân ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (tên gọi khác: Kinh tế tài nguyên) được trang bị kiến thức và kỹ năng để thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên thiên nhiên trong các cơ quan:

- + Chính phủ, bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên thiên nhiên;
- + Các doanh nghiệp và các tổ chức tư nhân sử dụng và tư vấn về tài nguyên trong nước và quốc tế;
- + Các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên;
- + Các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu chính sách tài nguyên;
- + Hệ thống các ngân hàng, các tổ chức tài chính, công nghệ, tư vấn có hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp:

+ Sinh viên đang học chương trình cử nhân Kinh tế tài nguyên được học chương trình đào tạo khác để đồng thời nhận 2 bằng đại học theo nguyện vọng (có điều kiện kèm theo của cơ sở đào tạo).

+ Sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân có thể học tiếp lên trình độ sau đại học trong lĩnh vực quản lý kinh tế và kinh doanh (có điều kiện kèm theo của cơ sở đào tạo).

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III-IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III-VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III-VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV-V-VII	
6	6	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12	1	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3		
13	2	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3		
14	3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội Social economic research methods	PTCC1128	3		
15	4	Kinh tế môi trường Environmental economics	MTKT1133	3		
	2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83		
	2.1. Các học phần chung của nhóm ngành			12		
16	1	Kinh tế tài nguyên 1	TNTN1106	3		

STT		Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Economics of Natural Resources 1				
17	2	Quản lý tài nguyên và môi trường/Natural Resources and Environment Management	MTKT1119	3	IV	
18	3	Quản lý nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3	III	
19	4	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3		
		2.2. Các học phần của ngành		61		
		2.2.1 Các học phần bắt buộc		31		
20	1	Pháp luật về tài nguyên Natural Resources Laws	LUKD1122	3		
21	2	Quản lý tài nguyên 1 Management of Natural Resources 1	TNTN1108	3	IV	
22	3	Quản lý tài nguyên 2 Natural Economics Management	TNTN1126	3	V	
23	4	Kinh tế tài nguyên 2 Economics of Natural Resources 2	TNTN1121	3		
24	5	Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên Market of Natural Resources and Products	TNTN1129	3		
25	6	Thuế và phí tài nguyên Natural Resource Taxes and Fees	TNTN1110	3		
26	7	Chính sách tài nguyên Natural Resource Policy	TNTN1132	3		
27	8	Nguyên lý Kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3		
28	9	Định giá tài nguyên Natural Resources Valuation	TNTN1133	3		
29	10	Chuyên đề thực tế Project	TNTN1152	4	IV-V-VI	
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)		30		
30	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	IV	
31	2	Kinh tế nông nghiệp Agricultural Economics	TNKT1138	3	IV	
32	3	Đánh giá tác động môi trường của dự án tài nguyên Evaluation on Natural Resource Project's Impact	TNTN1138	3	VII	
33	4	Quy hoạch sử dụng và bảo tồn tài nguyên Natural Resource Use and Conservation Planning	TNTN1127	3	VI	
34	5	Lập và quản lý dự án đầu tư Design and Management for Investment Project	DTKT1156	3	V	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
35	6	Tiếng Anh ngành Kinh tế tài nguyên English for Natural Resources Economists	TNTN1111	3	IV	
36	7	Kinh tế năng lượng Energy Economics	TNTN1144	3	VI	
37	8	Kinh tế đất đai 1 Land and Real Estate Economics 1 (HP đổi tên vẫn sử dụng mã HP cũ)	TNDC1124	3	VI	
38	9	Kinh tế tài nguyên Nước Water Resources Economics	TNTN1147	3	VII	
39	10	Kinh tế tài nguyên Khoáng sản Mineral Resources Economics	TNTN1146	3	V	
40	11	Kinh tế tài nguyên rừng Forest Economics	TNTN1148	3	VI	
41	12	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3	IV	
42	13	Khởi sự kinh doanh Entreprenuous	QTTH1108	3	VI	
43	14	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3	V	
	15	Bản đồ, dữ liệu không gian, và hệ thống thông tin địa lý Mapping, spacial data, and geographic information systems (GIS) (HP đổi tên vẫn sử dụng mã HP cũ)	TNTN1136	3	IV	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		TNTN1151	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture và Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Phương pháp giảng dạy theo tình huống, lấy người học làm trung tâm, giảng viên giảng lý thuyết, thảo luận các tình huống và câu hỏi, thuyết trình theo các nhân và theo nhóm.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt.

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

CTĐT ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên của Đại học Kinh tế Quốc dân tham khảo các CTĐT đã được kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài:

- CTĐT ngành Kinh tế Tài nguyên và Môi trường – của West Virginia University, đã được kiểm định bởi Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (USDE).
http://catalog.wvu.edu/undergraduate/daviscollegeofagriculturenaturalresourcesanddesign/divisionofresourcemanagement/agrm/environmental_and_natural_resource_economics/

- CTĐT ngành Kinh tế Tài nguyên và Môi trường – của Colorado State University, đã được kiểm định bởi Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (USDE).
<https://www.online.colostate.edu/degrees/environmental-and-natural-resource-economics/>

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực kinh tế và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh tế và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.
- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo



GS.TS Phạm Hồng Chương